

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **28/2021/HS-ST**
Ngày: 14-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Phước**

2/ Bà **Phan Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Cao Duyệt Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 đối với:

- Bị cáo: **Trần Thanh T**, sinh năm 1980; tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Hà Thị Bích N; Bị cáo có vợ tên Lê Phi P và có 01 người con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ **Trần Hữu G**, sinh năm 1971. (có mặt)

+ **Lê Thị Kiều H**, sinh năm 1977. (có mặt)

Cùng trú tại: Số X, đường số C, khu phố V, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

- + Lê Thị Phụng H1, sinh năm 1983. (có mặt)
Trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- + Lê Phi P, sinh năm 1980. (có mặt)
Trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- + Trương Thị Thanh Trúc, sinh năm 1972. (vắng mặt)
Trú tại: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- + Lê Thị H2, sinh năm 1970. (vắng mặt)
Trú tại: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Người chứng kiến và tham tố tụng khác theo triệu tập của Tòa án:
 - + Phạm Thanh Lũy, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre
 - + Đinh Hữu K – Điều tra viên Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; (có mặt)
 - + Đặng Hoài P1 – Cán bộ kỹ thuật hình sự Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; (có mặt)
 - + Ông Võ Văn T1 - Cán bộ kỹ thuật hình sự Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt)
 - + Ông Bùi Hữu T2 – Công an xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 17/05/2020, ông Trần Hữu G chở gia đình đi tham quan du lịch trên xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14 đến khu vực chợ tạm thuộc ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì ông G dừng xe ô tô ở ven đường nhựa liên xã Thành Triệu trước cổng rào của nhà ông Lê Văn Đ cho vợ là bà Lê Thị Kiều H xuống xe mua trái cây ở khu chợ tạm gần đó. Lúc này có bà Lê Thị Phụng H1 là con gái ông Đ đang bán hoa tươi ở trước cửa nhà nhìn thấy đến nói chuyện thì hai bên xảy ra mâu thuẫn. Thấy vậy bà Lê Phi P là chị của H1 cũng đến nói chuyện rồi hai bên có lời qua tiếng lại rồi bà P lấy bàn gỗ thấp để trước đầu xe ô tô rồi lấy chổi ra phía sau đuôi xe ô tô quét ở dưới đất thì bà Lê Thị Kiều H mua trái cây xong đi trở lại thấy vậy kéo bà P ra để ông G lùi xe thì hai bên xảy ra cự cãi với nhau. Lúc này, Trần Thanh T là chồng của bà P ở sau nhà đi lên thấy sự việc ra xem rồi lấy một đoạn gỗ khô dài khoảng 70 cm ở dưới đất sát hàng rào trước nhà ông Đ đi lại chỗ xe ô tô ông G đang đỗ dùng chân đạp mạnh vào kính chiếu hậu bên trái làm hư hỏng rồi T tiếp tục dùng đoạn gỗ khô đánh mạnh vào kính chiếu hậu bên phải làm vỡ kính xuống đường đồng thời đoạn gỗ cũng bị gãy làm hai đoạn. Sau đó hai bên cãi nhau to tiếng rồi ông G điều khiển xe ô tô trên đến Công an xã Thành Triệu trình báo sự việc để giải quyết.

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14;
- 02 mảnh kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14;
- 01 ốp kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14;
- 01 đoạn gỗ khô dài 65,7 cm, rộng 5,8 cm, dày 03 cm;
- 01 đoạn gỗ khô có kích thước 35,5 x 3,5 x 3 cm;
- 01 đoạn gỗ khô có kích thước 34,5 x 5 x 3 cm.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/05/2020 của Cơ quan CSĐT – CA huyện Châu thành và bản kết luận định giá số 896/KL – HĐĐG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô biển số 51G-806.14 như sau :

- Một mặt gương chiếu hậu ngoài bên phải giá trị là 1.093.200 đồng;
- Hai ốp kính chiếu hậu bên trái, phải giá trị là 926.200 đồng;
- Một bộ che mưa xe ô tô giá trị là 1.454.545 đồng;
- Một gioăng cửa trước bên phải xe ô tô giá trị là 682.000 đồng;
- Sơn trụ kính trước phải giá trị là 350.000 đồng;
- Sơn ốp gương hậu trái, phải giá trị là 500.000 đồng;
- Sơn nẹp cản sau giá trị là 500.000 đồng;
- Sơn capô giá trị là 1.500.000 đồng;
- Công tháo lắp sửa về nẹp cản sau, gương hậu phải là 880.000 đồng.

* Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 7.885.945 đồng (*Bảy triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thanh T chỉ thừa nhận đã làm hư hỏng hai kính chiếu hậu bên phải, bên trái xe ô tô biển số 51G-806.14 theo kết luận định giá tài sản bị thiệt hại có giá trị là 5.885.945 đồng.

Ngày 25/05/2020, Cơ quan CSĐT – CA huyện Châu Thành đã trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14; 02 mảnh kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14; 01 ốp kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14 cho anh Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H.

Cáo trạng số 15/CT-VKSCT ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Trần Thanh T về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo phạm “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận cơ quan CSĐT – CA huyện Châu Thành đã trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14; 02 mảnh kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14; 01 ốp kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14 cho ông Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 đoạn gỗ khô dài 65,7 cm, rộng 5,8 cm, dày 03 cm;
- 01 đoạn gỗ khô có kích thước 35,5 x 3,5 x 3 cm;
- 01 đoạn gỗ khô có kích thước 34,5 x 5 x 3 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại số tiền 5.885.945 đồng và các chi phí phát sinh thực tế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại trình bày: Bị cáo dùng cây gỗ đập phá làm hư hỏng kính chiếu hậu bên trái và bên phải, bà Lê Thị Phụng H1 và bà Lê Phi P gây ra vết trầy xước ở nắp capô và vết móp ở ốp cản sau xe ô tô. Do đó bị hại yêu cầu bị cáo, bà P, bà H1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền tổng cộng là 24.766.536 đồng, trong đó tiền chi phí sửa chữa hư hỏng xe là 21.766.536 đồng, tiền chi phí thuê xe đi về ngày 17/5/2020 là 2.000.000 đồng, tiền chi phí thuê xe xuống nhận xe về sửa chữa là 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi dùng cây gỗ đập phá làm hư hỏng kính chiếu hậu bên phải và dùng chân đạp làm hư hỏng kính chiếu hậu bên trái của xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14 của ông G, bà H như cáo trạng đã truy tố và xin lỗi bị hại. Đối với phần hư hỏng ở nắp ca pô và phần cản sau xe ô tô biển số 51G-806.14 không phải do bị cáo gây ra. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền thiệt hại do bị cáo gây ra là 5.885.945 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá và đồng ý bồi thường các khoản chi phí sửa xe khác và chi phí đi lại theo yêu cầu của bị hại, tổng cộng số tiền bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 24.766.536 đồng. Bị cáo tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

Người làm chứng bà P, bà H1 trình bày: Giữa bà P, bà H1 với bị hại có mâu thuẫn cự cãi nhau do bị hại đậu xe trước nhà bà P, bà H1; bà P, bà H1 không có hành vi gây hư hỏng xe ô tô như bị hại trình bày, không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Ông Đinh Hữu Khôi là Điều tra viên và ông Đặng Hoài Phong là cán bộ kỹ thuật hình sự Công an huyện Châu Thành trình bày: Khi cơ quan công an tiếp nhận được tin báo đã có mặt tại hiện trường, lúc này hiện trường có sự thay đổi do bị hại đã di chuyển xe ô tô về trụ sở công an xã Thành Triệu, cơ quan công an đã yêu cầu bị hại di chuyển xe về lại hiện trường để tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định. Việc khám nghiệm hiện trường bao gồm chụp ảnh, đo đạc, vẽ sơ đồ và ghi biên bản khám nghiệm hiện trường, để ghi lại các dấu vết hư hỏng trên thân xe và ghi nhận hình ảnh hiện trường, không thể hiện việc các hư hỏng trên xe ô tô là do ai

gây ra. Để kết luận các hư hỏng trên xe ô tô gây ra cần xem xét đánh giá toàn bộ chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Việc khám nghiệm hiện trường được thực hiện đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng Trương Thị Thanh T, Lê Thị H2; người chứng kiến và người tham gia tố tụng khác: Phan Thanh L, Bùi Hữu T1, Võ Văn V vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Bị hại yêu cầu triệu tập người làm chứng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử, đã được triệu hợp lệ hai lần và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình xét xử, HĐXX công bố lời khai của những người làm chứng vắng mặt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đập phá làm hư hỏng hai kính chiếu hậu bên phải, bên trái của xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14 của ông G, bà H như cáo trạng đã truy tố. Đối với phần hư hỏng ở nắp ca pô và phần cản sau xe ô tô không phải do bị cáo làm. Bị hại cũng thừa nhận phần hư hỏng ở nắp ca pô và phần cản sau xe ô tô biển số 51G-806.14 không phải do bị cáo làm mà do bà Lê Thị Phụng H1, bà Lê Phi P gây ra và kính chiếu hậu bên trái là do bị cáo dùng cây gỗ đập, không phải dùng chân đạp.

[2.2] Xét thấy, bị cáo, bị hại và những người làm chứng đều thừa nhận hư hỏng hai kính chiếu hậu bên trái và bên phải xe ô tô biển số 51G-806.14 là do chính bị cáo gây ra, việc bị cáo dùng chân hay dùng cây gỗ làm hư hỏng tài sản không ảnh hưởng việc định tội danh đối với bị cáo. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành chỉ truy tố bị cáo T đối với hành vi làm hư hỏng hai kính chiếu hậu bên phải, bên trái xe ô tô biển số 51G-806.14 với giá trị tài sản bị thiệt hại là 5.885.945 đồng là phù hợp.

[2.3] Đối với hư hỏng tại nắp capo và cản sau xe ô tô biển số 51G-806.14 bà Lê Thị Phụng H1 và Lê Phi P không thừa nhận do mình gây ra (BL173 – BL188). Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020 đối với người làm chứng Trương Thị Thanh T xác định: ngoài người đàn ông đập xe ô tô, thì không còn ai khác đập phá hư hỏng xe ô tô; chỉ thấy hai gương chiếu hậu trái, phải xe ô tô bị đập phá làm hư hỏng còn hư hỏng khác thì không thấy (BL191). Quá trình điều tra đã tiến hành đối chất giữa ông G, bà H với bà P, bà H1, quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, ngoài lời khai của bị hại thì không chứng cứ nào khác đủ cơ sở để chứng minh được hư hỏng tại nắp capo và cản sau xe ô tô biển số 51G-806.14 là do bà P và bà H1 gây ra.

[3] Từ cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 17/05/2020, tại khu vực chợ tạm thuộc ấp Chợ, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre Trần Thanh T đã có hành vi dùng chân và khúc gỗ đập, đập vào hai kính chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14 gây hư hỏng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn từ việc bị hại dùng đầu xe trước cửa nhà của bị cáo dẫn tới mâu thuẫn cãi nhau với vợ và chị vợ của bị cáo, bị cáo đã có hành vi dùng chân đập và dùng khúc gỗ đập gây hư hỏng hai kính chiếu hậu của xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14 của anh Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H với giá trị tài sản bị thiệt hại là 5.885.945 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã phạm vào “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, đúng người đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành để đảm bảo khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây hậu quả không lớn; bị cáo có con còn nhỏ; bị cáo tham gia dân quân tự vệ tại xã Tân Xuân từ năm 1999 đến năm 2005 là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông G, bà H yêu cầu bị cáo, bà P, bà H1 liên đới bồi thường số tiền tổng cộng là 24.766.536 đồng, trong đó tiền chi phí sửa chữa xe là 21.766.536 đồng, tiền chi phí thuê xe đi về ngày 17/5/2020 là 2.000.000 đồng, tiền chi phí thuê xe xuống nhận xe về sửa chữa là 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với hư hỏng tại nắp capo và cản sau xe ô tô biển số 51G-806.14 bị cáo và bị hại đều thống nhất không phải do bị cáo gây ra. Mặc khác, qua đánh giá chứng cứ, lời khai của người làm chứng và quá trình xét hỏi tại phiên tòa chưa đủ cơ sở để chứng minh được hư hỏng tại nắp capo và cản sau xe ô tô là do bà P và bà H1 gây ra do đó không xem xét trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bà H1, bà P.

- Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại thiệt hại do bị cáo gây ra số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá là 5.885.945 đồng và đồng ý bồi thường các khoản chi phí sửa xe khác và chi phí đi lại theo yêu cầu của bị hại, tổng cộng số tiền bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 24.766.536 đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên ghi nhận. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H số tiền 24.766.536 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đoạn gỗ khô dài 65,7 cm, rộng 5,8 cm, dày 03 cm; 01 đoạn gỗ khô có kích thước 35,5 x 3,5 x 3 cm và 01 đoạn gỗ khô có kích thước 34,5 x 5 x 3 cm là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Cơ quan CSĐT – CA huyện Châu Thành đã trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14; 02 mảnh kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14; 01 ốp kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14 cho anh Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H xong nên ghi nhận.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Trần Thanh T tự nguyện giao nộp để đảm bảo thi hành án.

[8] Quá trình điều tra, xét xử không đủ cơ sở xác định bà Lê Thị Phụng H1 và Lê Phi P có hành vi làm hư hỏng tài sản của ông G, bà H nên không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo chịu trách nhiệm dân sự nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh T** phạm “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 09 (chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/4/2021).

Giao bị cáo Trần Thanh T về cho Ủy ban nhân dân xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 590; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Thanh T bồi thường cho ông Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H số tiền 24.766.536 (hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[3] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 đoạn gỗ khô dài 65,7 cm, rộng 5,8 cm, dày 03 cm;

+ 01 đoạn gỗ khô có kích thước 35,5 x 3,5 x 3 cm;

+ 01 đoạn gỗ khô có kích thước 34,5 x 5 x 3 cm.

- Ghi nhận cơ quan CSĐT – CA huyện Châu Thành đã trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry loại 2.5 Q màu nâu biển số 51G-806.14; 02 mảnh kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14; 01 ốp kính chiếu hậu xe ô tô biển số 51G-806.14 cho ông Trần Hữu G và bà Lê Thị Kiều H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành với Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Trần Thanh T tự nguyện giao nộp để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu số 0011173 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu là 1.238.000 (Một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. Thành Triệu (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền